

THÔNG BÁO TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NĂM 2022

Trường Đại học Công nghệ Thông tin, Đại học Quốc gia TP. HCM (ĐHQG-HCM) thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2022 như sau:

I. NGÀNH TUYỂN SINH

TT	Ngành tuyển sinh	Mã ngành	Chỉ tiêu	Ngành đúng
1	Công nghệ thông tin	9480201	04	Công nghệ thông tin
2	Khoa học máy tính	9480101	04	Khoa học máy tính

Đối với người dự tuyển có bằng thạc sĩ ngành gần hoặc ngành khác với ngành đăng ký dự thi: Nhà trường sẽ căn cứ vào các học phần đã tích lũy ở trình độ thạc sĩ, kiến thức cần cập nhật, bổ sung và yêu cầu của lĩnh vực, đề tài nghiên cứu, xác định số học phần và khối lượng tín chỉ nghiên cứu sinh cần phải học bổ sung (Phụ lục I).

II. HÌNH THỨC ĐÀO TẠO, THỜI GIAN ĐÀO TẠO

Thời gian đào tạo tiến sĩ chính thức đối với người có bằng thạc sĩ cùng ngành là 03 năm tập trung, đối với người chỉ có bằng đại học cùng ngành là 05 năm tập trung.

Nếu nghiên cứu sinh được Trường cho phép không học tập trung thì chương trình đào tạo và nghiên cứu của nghiên cứu sinh phải có tổng thời gian học tập và nghiên cứu tại Trường đáp ứng thời gian đào tạo tiến sĩ theo quy định, trong đó có ít nhất 12 tháng tập trung liên tục để thực hiện đề tài nghiên cứu tại Trường.

III. THỜI GIAN XÉT TUYỂN, HÌNH THỨC XÉT TUYỂN

1. Thời gian xét tuyển:

- Đợt 1: dự kiến giữa tháng 5
- Đợt 2: dự kiến giữa tháng 10.

2. Hình thức: xét tuyển.

3. Lệ phí xét tuyển: 200.000đ/người dự tuyển.

IV. THỜI GIAN CÔNG BỐ KẾT QUẢ THI VÀ NGÀY KHAI GIẢNG

- Thời gian công bố kết quả: dự kiến đợt 1 giữa tháng 6 và đợt 2 giữa tháng 11.
- Ngày khai giảng, nhập học: dự kiến đợt 1 đầu tháng 7 và đợt 2 đầu tháng 12.

V. ĐIỀU KIỆN XÉT TUYỂN

1. Đối tượng tuyển sinh: Người dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:

a. Người tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ thạc sĩ, người tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học chính quy loại giỏi có điểm trung bình tích lũy từ 8.0 trở lên (theo thang điểm 10) ngành đúng, ngành gần, hoặc tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ tương đương trở lên phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ.

b. Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các CSDLT, tổ chức khoa học và công nghệ.

c. Chứng chỉ hoặc chứng nhận được công nhận ngoại ngữ đầu vào trình độ tiến sĩ theo khung năng lực 6 bậc dành cho Việt Nam. Chứng chỉ hoặc chứng nhận có thời hạn 02 năm tính từ ngày cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận đến ngày đăng ký dự tuyển, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc ĐHQG-HCM công nhận.

- Chứng chỉ ngoại ngữ được quy định tại bảng sau hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác đạt tối thiểu bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (tương đương B2 theo CEFR) của các CSDLT được Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHQG-HCM công nhận.

	Ngôn ngữ	Chứng chỉ	Thang điểm tối thiểu tương đương B2
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	46
2		IELTS	5.5
3		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 400; Đọc: 385 Nói: 160; Viết: 150
4		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill. Thang điểm: 160
5	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 400 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
6	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B2
6		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4)
7	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Level 4
8	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	JLPT N3

9	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	TRKI-2
10	Tiếng Hàn	TOPIK	TOPIK Level 4

- Các trường hợp miễn thi ngoại ngữ khác

➤ Người dự tuyển là công dân Việt Nam được miễn đánh giá năng lực ngoại ngữ khi có một trong những minh chứng sau:

- Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài mà trong đó ngôn ngữ giảng dạy là ngôn ngữ của môn thi ngoại ngữ, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;
- Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc chương trình kỹ sư chất lượng cao Việt Pháp (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng, có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình giảng dạy bằng ngôn ngữ nước ngoài (gồm các môn thuộc kiến thức cơ sở ngành; kiến thức chuyên ngành; kiến thức bổ trợ và luận văn/đồ án/khoa luận) được Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc ĐHQG-HCM công nhận;
- Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài là Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung, Nhật, Hàn.

➤ Người dự tuyển là công dân nước ngoài, lưu học sinh Hiệp định (là người nước ngoài được tiếp nhận học tập tại Việt Nam và được Chính phủ Việt Nam cấp học bẳng theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên) nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo bằng ngôn ngữ tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định ngoại ngữ của CSĐT (nếu có). Trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ thì được miễn yêu cầu về ngoại ngữ”.

2. Bài luận về hướng nghiên cứu:

Bài luận trình bày rõ ràng về hướng nghiên cứu, đề tài hoặc chủ đề nghiên cứu; tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan; mục tiêu, nhiệm vụ và kết quả nghiên cứu dự kiến; kế hoạch học tập và nghiên cứu trong thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như sự chuẩn bị của người dự tuyển trong vấn đề hay lĩnh vực dự định nghiên cứu; lý do lựa chọn cơ sở đào tạo; đề xuất người hướng dẫn. Bài luận được trình bày tối đa 10 trang trên khổ A4 (Phụ lục II).

3. Cán bộ hướng dẫn:

- Được ít nhất một nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ có chuyên môn phù hợp có tên trong danh sách do Trường công bố, đồng ý nhận hướng dẫn. Trường hợp người dự tuyển đề nghị người hướng dẫn không có tên trong danh sách trên, người dự tuyển phải xin ý kiến và phải được Hiệu trưởng chấp nhận trước khi nộp hồ sơ dự tuyển. Tiêu chuẩn người hướng dẫn nghiên cứu sinh phải đáp ứng các quy định tại Phụ lục III.

- Danh sách cán bộ khoa học và hướng nghiên cứu tham khảo tại website:
<https://sdh.uit.edu.vn/huong-nghien-cuu-cua-ncs>

4. Thư giới thiệu:

Có hai thư giới thiệu của hai giảng viên hoặc nghiên cứu viên có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học hoặc học vị tiến sĩ cùng ngành với ngành dự tuyển.

VI. HỒ SƠ XÉT TUYỂN

Phát và nhận hồ sơ xét tuyển: đợt 1 đến hết ngày 10/5 và đợt 2 đến hết ngày 10/10.

- Lệ phí xét hồ sơ: 60.000 đồng. (đóng lệ phí khi nộp hồ sơ).
- Hồ sơ xét tuyển gồm:
 - a. Đơn đăng ký dự tuyển (theo mẫu);
 - b. Lý lịch khoa học của người dự tuyển (theo mẫu, có xác nhận của cơ quan/địa phương, có đóng dấu giáp lai ảnh);
 - c. Bản sao bằng tốt nghiệp đại học, bản sao bảng điểm tốt nghiệp đại học;
 - d. Bản sao bằng tốt nghiệp thạc sĩ, bản sao bảng điểm Cao học;
 - e. Bản sao văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ;
 - f. Bảng điểm các môn học bồ túc kiến thức hoặc chuyển đổi (nếu có);
 - g. 06 bản bài luận về hướng nghiên cứu (theo mẫu);
 - h. Bản sao các công trình nghiên cứu khoa học của người dự tuyển;
 - i. Giấy chứng nhận sức khỏe;
 - j. Giấy đồng ý của người hướng dẫn (theo mẫu);
 - k. Lý lịch khoa học của người hướng dẫn;
 - l. Bản sao các công trình nghiên cứu khoa học của người hướng dẫn;
 - m. 02 thư giới thiệu của nhà khoa học cùng ngành (theo mẫu);
 - n. Giấy chứng nhận đối tượng chính sách (nếu có);
 - o. 02 ảnh 3x4 (ghi rõ họ tên, ngày sinh phía sau ảnh).

- Đối với người dự tuyển là người Việt Nam tốt nghiệp tại các CSĐT nước ngoài, văn bằng và bảng điểm do CSĐT nước ngoài cấp phải được công chứng tiếng Việt và nộp kèm văn bản công nhận của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục khi nộp hồ sơ dự tuyển. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác, CSĐT có thể ra quyết định công nhận trúng tuyển có điều kiện và yêu cầu người dự tuyển nộp văn bản công nhận của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục trong thời gian 12 tháng kể từ ngày ra quyết định công nhận trúng tuyển có điều kiện.

VII. CHƯƠNG TRÌNH DỰ BỊ TIẾN SĨ

- Người dự tuyển chưa đáp ứng các quy định tại điểm b, điểm c, khoản 2 Điều 4 của Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 113/QĐ-ĐHQG ngày 04/02/2021 của Giám đốc ĐHQG-HCM có thể nộp hồ sơ xin đăng ký học dự bị tiến sĩ. Trong thời gian tối đa 24 tháng, người học dự bị tiến sĩ có thể hoàn thiện, bổ sung các điều kiện dự tuyển theo quy định.

- Việc đăng ký học, tổ chức đào tạo dự bị tiến sĩ được quy định trong Phụ lục IV.

VIII. LIÊN HỆ

1. Phòng ĐTSĐH&KHCN, Trường Đại học Công nghệ Thông tin

Địa chỉ: Khu phố 6, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. HCM.

Điện thoại: (028) 37252002-110.

2. Văn phòng quản lý Sau đại học.

Địa chỉ: số 291 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3, TP. HCM.

Điện thoại: 028- 6673 5861.

Website: sdh.uit.edu.vn Email: dtsdh@uit.edu.vn

Nơi nhận:

- Người dự tuyển;
- ĐHQG-HCM (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐTSĐH (L).



PHỤ LỤC I

Người dự tuyển tốt nghiệp trình độ thạc sĩ ngành gần với ngành đăng ký dự thi trình độ tiến sĩ phải học bổ sung kiến thức (BTKT) hoặc chuyển đổi ngành để đủ điều kiện dự thi trình độ tiến sĩ của từng ngành như sau:

I. Ngành Công nghệ Thông tin:

Phân loại	Ngành		Các môn học BTKT
	Mã ngành	Tên ngành	
Ngành đúng và ngành phù hợp (Cùng danh mục đào tạo cấp IV)	8480201	Công nghệ thông tin	
	8480202	An toàn thông tin	
	8480204	Quản lý công nghệ thông tin	
	8480205	Quản lý Hệ thống thông tin	
Ngành gần (Cùng nhóm ngành danh mục đào tạo cấp III)	8480101	Khoa học máy tính	1. Kiến thức về Cơ sở dữ liệu/ Công nghệ phần mềm tiên tiến 2. Kiến thức về Mạng máy tính hiện đại 3. Kiến thức về Công nghệ/kỹ thuật máy tính hiện đại
	8480102	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	
	8480103	Kỹ thuật phần mềm	
	8480104	Hệ thống thông tin	
	8480106	Kỹ thuật máy tính	
Ngành khác (Không cùng nhóm ngành danh mục đào tạo cấp III)	8460117	Toán tin	1. Kiến thức về Cơ sở dữ liệu/ Công nghệ phần mềm tiên tiến 2. Kiến thức về Mạng máy tính hiện đại 3. Kiến thức về Công nghệ/kỹ thuật máy tính hiện đại 4. Kiến thức về Lập trình và Thiết kế thuật toán 5. Kiến thức về Toán trong ngành Công nghệ Thông tin
	8340405	Hệ thống thông tin quản lý	
	8460110	Cơ sở toán học cho tin học	

II. Ngành Khoa học Máy tính:

Phân loại	Ngành		Các môn học BTKT
	Mã ngành	Tên ngành	
Ngành đúng và ngành phù hợp (Cùng danh mục đào tạo cấp IV)	8480101	Khoa học máy tính	
	8480102	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	
	8480103	Kỹ thuật phần mềm	
	8480104	Hệ thống thông tin	
	8480106	Kỹ thuật máy tính	
Ngành gần (Cùng nhóm ngành danh mục đào tạo cấp III)	8480201	Công nghệ thông tin	1. Kiến thức về các hệ cơ sở dữ liệu, Trí tuệ nhân tạo, máy học. 2. Kiến thức về Xử lý dữ liệu số, Dữ liệu đa phương tiện 3. Kiến thức về Công nghệ/kỹ thuật máy tính hiện đại
	8480202	An toàn thông tin	
	8480204	Quản lý công nghệ thông tin	
	8480205	Quản lý hệ thống thông tin	
Ngành khác (Không cùng nhóm ngành danh mục đào tạo cấp III)	8460117	Toán tin	1. Kiến thức về Lập trình và thiết kế thuật toán 2. Kiến thức về Công nghệ/kỹ thuật máy tính hiện đại 3. Kiến thức về Toán cho Khoa học máy tính 4. Kiến thức về các hệ cơ sở tri thức, Trí tuệ nhân tạo, Máy học. 5. Kiến thức về Xử lý dữ liệu số, Dữ liệu đa phương tiện.
	8340405	Hệ thống thông tin quản lý	
	8460110	Cơ sở toán học cho tin học	

- ❖ Người dự tuyển tốt nghiệp trình độ thạc sĩ ngành gần thuộc các trường thành viên Đại học Quốc Gia Tp. Hồ Chí Minh được miễn học BTKT.

Phụ lục II

YÊU CẦU ĐÓI VỚI BÀI LUẬN VỀ DỰ ĐỊNH NGHIÊN CỨU CỦA NGƯỜI DỰ TUYỂN

Bài luận về dự định nghiên cứu cần phản ánh, những điểm mạnh và tích cực của người viết, trình bày bằng một văn phong trong sáng, rõ ràng, qua đó cung cấp một hình ảnh rõ nét về người dự tuyển, với những thông tin mới mẻ (không lặp lại những thông tin có thể thấy trong hồ sơ như kết quả học tập, nghiên cứu). Bài luận dài không quá 10 trang, gồm những nội dung chính sau đây:

1. Lý do lựa chọn đề tài, lĩnh vực nghiên cứu.
2. Mục tiêu và mong muốn đạt được khi đăng ký đi học nghiên cứu sinh.
3. Những dự định và kế hoạch để đạt được những mục tiêu mong muốn.
4. Kinh nghiệm về nghiên cứu, về thực tế, hoạt động xã hội và ngoại khóa khác; kiến thức, sự hiểu biết và những chuẩn bị của người dự tuyển trong vấn đề dự định nghiên cứu, phản ánh sự khác biệt của cá nhân người dự tuyển trong quá trình học tập trước đây và những kinh nghiệm đã có.
5. Đề xuất người hướng dẫn (nếu có).

**BÀI LUẬN VỀ HƯỚNG NGHIÊN CỨU
TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ**

Họ tên người dự tuyển:

Ngành dự tuyển:

Công nghệ Thông tin

Khoa học Máy tính

Tên đê tài:

Người hướng dẫn chính:

Cơ quan công tác:

Trường Đại học Công nghệ Thông tin

Đơn vị khác:.....

Người hướng dẫn phụ (nếu có):

Cơ quan công tác:

Trường Đại học Công nghệ Thông tin

Đơn vị khác:.....

TPHCM, tháng/20

Ghi chú: Bìa màu xanh dương

Phụ lục III

TIÊU CHUẨN ĐỐI VỚI NGƯỜI HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU SINH

1. Tiêu chuẩn chung của người hướng dẫn:

a. Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài, có nhân thân rõ ràng; có phẩm chất, đạo đức tốt; có sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp; trường hợp người hướng dẫn là nhà khoa học người nước ngoài, nhà khoa học Việt Nam đang làm việc ở nước ngoài thì phải có thỏa thuận về việc hướng dẫn nghiên cứu sinh với Trường;

b. Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án của nghiên cứu sinh. Người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư phải đáp ứng thêm những yêu cầu sau: (i) Có thời gian giảng dạy ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ từ 12 tháng trở lên kể từ khi có bằng tiến sĩ; (ii) Trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm quyết định công nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh có công bố liên quan đến chuyên môn giảng dạy với vai trò là tác giả đứng tên đầu hoặc tác giả liên hệ của 2 bài báo, báo cáo khoa học trong các ấn phẩm được tính tới 0,75 điểm trở lên theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định; hoặc là tác giả hoặc đồng tác giả của 1 sách chuyên khảo do các nhà xuất bản trong nước và quốc tế phát hành hoặc của 1 chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế phát hành.

c. Có năng lực ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ giảng dạy, nghiên cứu và trao đổi khoa học quốc tế.

2. Tiêu chuẩn của người hướng dẫn độc lập, người hướng dẫn chính, người đồng hướng dẫn khi không phân biệt giữa hướng dẫn chính và hướng dẫn phụ:

a. Đáp ứng các tiêu chuẩn quy định khoản 1 Điều này;

b. Trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh, có kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn liên quan tới đề tài luận án hướng dẫn: là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành, hoặc bài công bố đăng trên kỷ yếu hội thảo quốc tế, tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện hoặc có chỉ số ISBN, ISSN; các công bố phải đạt tổng điểm từ 4,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả).

3. Mỗi nghiên cứu sinh có 1 hoặc 2 người hướng dẫn, trong đó có 1 người là cán bộ cơ hữu của Trường hoặc có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với Trường theo quy định của pháp luật, với thời hạn của hợp đồng phù hợp với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của nghiên cứu sinh.

4. Nhiệm vụ và quyền của người hướng dẫn:

a. Thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018);

b. Tại cùng một thời điểm, người có chức danh giáo sư được hướng dẫn độc lập tối đa 7 nghiên cứu sinh; người có chức danh phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học được hướng dẫn độc lập tối đa 5 nghiên cứu sinh; người có bằng tiến sĩ được hướng dẫn độc lập tối đa 3 nghiên cứu sinh. Trường hợp đồng hướng dẫn 1 nghiên cứu sinh được tính quy đổi tương đương hướng dẫn độc lập 0,5 nghiên cứu sinh. Đối với người hướng dẫn có nhiều công trình khoa học (là tác giả chính có từ 3 công trình khoa học đăng trên tạp chí thuộc danh mục các tạp chí WoS/Scopus mỗi năm, liên tục trong 3 năm gần nhất), có các đề tài hỗ trợ kinh phí cho nghiên cứu sinh, Nhà trường sẽ báo cáo ĐHQG-HCM xem xét việc tăng số lượng nghiên cứu sinh được hướng dẫn;

c. Hướng dẫn nghiên cứu sinh chuẩn bị đề cương nghiên cứu trong quá trình đăng ký dự tuyển vào chương trình đào tạo tiến sĩ, và tiếp tục hướng dẫn nghiên cứu sinh học tập, nghiên cứu nếu nghiên cứu sinh trúng tuyển;

d. Hỗ trợ, đánh giá, theo dõi và đôn đốc nghiên cứu sinh thực hiện nhiệm vụ học tập và nghiên cứu khoa học;

e. Thông qua luận án của nghiên cứu sinh, đề nghị đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn và bảo vệ luận án nếu luận án đã đáp ứng những quy định của Quy chế này và của Trường;

f. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của Trường.

Phụ lục IV

DỰ BỊ TIẾN SĨ

1. Tuyển sinh và dự bị đào tạo tiến sĩ:

- a. Tuyển sinh, đào tạo dự bị tiến sĩ theo quy định của Trường;
- b. Trường đảm bảo quyền lợi, điều kiện học tập và nghiên cứu khoa học của người học dự bị tiến sĩ;
- c. Trường đảm bảo việc ưu tiên xét tuyển nghiên cứu sinh khi người học dự bị tiến sĩ đã hoàn tất các điều kiện xét tuyển nghiên cứu sinh theo yêu cầu của Trường;
- d. Xét tuyển nghiên cứu sinh đối với người học dự bị tiến sĩ, công nhận tích lũy tín chỉ từ chương trình dự bị tiến sĩ theo quy định của Trường.

2. Quyền lợi của người học dự bị tiến sĩ:

- a. Được tham gia học tập, nghiên cứu cùng các nghiên cứu sinh chính thức;
- b. Được tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng tiến sĩ, phương pháp nghiên cứu khoa học;
- c. Được tính lũy các tín chỉ trong chương trình đào tạo tiến sĩ tương ứng, nhưng không quá 50% số tín chỉ của chương trình;
- d. Được tiếp cận các nguồn tài liệu, sử dụng thư viện, các trang thiết bị thí nghiệm phục vụ cho học tập, nghiên cứu khoa học và thực hiện luận án;
- e. Được tham gia nghiên cứu khoa học và công bố các bài báo khoa học liên quan đến đề tài nghiên cứu. Các bài báo khoa học, kết quả nghiên cứu này được sử dụng trong quá trình làm nghiên cứu sinh chính thức;
- f. Thời gian học dự bị tiến sĩ không tính trong thời gian đào tạo tiến sĩ;
- g. Các quyền lợi khác theo quy định của Trường.

3. Trách nhiệm của người học dự bị tiến sĩ:

- a. Tuân thủ các quy định về học tập, nghiên cứu của Trường;
- b. Thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với quá trình đào tạo theo quy định của Trường;
- c. Trong thời gian tối đa 24 tháng, người học dự bị tiến sĩ phải hoàn thiện, bổ sung các điều kiện dự tuyển còn thiếu để được xét tuyển nghiên cứu sinh chính thức;
- d. Hoàn thành chương trình tiến sĩ
- e. Các trách nhiệm khác theo quy định của Trường.